TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-12-2023
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy
2. Bà Nguyễn Thị Di

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Võ Sỹ T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đang chấp hành án tại Phân trại 2, Đ, Trại giam A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 08-11-2023 và quá trình tố tụng tại tòa bà Lê Thị Ngọc Q *trình bày:* Bà với ông Võ Sỹ T sống chung từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống với nhau có 02 người con chung nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân: Mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, lòng tin và kinh tế nhưng không có sự đồng cảm và chia sẻ cùng nhau, từ đó tình cảm bị rạn nứt đến năm 2013 ông T liên quan đến tội danh ma túy, bị xử phạt án tù và đi chấp hành án đến nay. Nay bà Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: có 02 con Võ Tuấn K, sinh ngày 10-7-2009 và Võ Sĩ C, sinh ngày 06-3-2011. Hiện tại các con đang sống với bà Q nên bà Q yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22-11-2023 ông Võ Sỹ T xác nhận: Tôi: Võ Sỹ T, sinh năm 1988, là bị đơn trong vụ án do Tòa án nhân dân huyện Long Điền thụ lý giải quyết. Tôi đã nhận tất cả văn bản tố tụng do Tòa án cấp phát. Tuy nhiên, do đang chấp hành án tại Trại giam nên đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn, bị đơn tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của đương sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc Q yêu cầu ly hôn ông Võ Sỹ T, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Ngọc Q và ông Võ Sỹ T đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Q và ông Võ Sỹ T sống chung từ năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên hôn nhân giữa bà Q và ông T là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Q xác nhận: Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông T còn liên quan đến ma túy nên bị xử phạt tù và dẫn đến việc phải đi chấp hành án đến nay. Nay bà Q nhận thấy không còn tình cảm đối với ông T nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu ly hôn có cơ sở, xét chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Theo xác nhận của bà Q, từ sau khi vợ chồng sống ly thân bà Q là người nuôi con hơn nữa nguyện vọng của các con sống sống mẹ. Để bảo đảm quyền lợi của con chung và tránh làm xáo trộn của sống của con. Vì vậy giao con cho bà Q được quyền nuôi dưỡng. Bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Sau này bà Q, ông T còn có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc Q đối với ông Võ Sỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Q được ly hôn ông Võ Sỹ T.

- Về con chung: Giao con Võ Tuấn K, sinh ngày 10-7-2009 và Võ Sĩ C, sinh ngày 06-3-2011 cho bà Q nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc Q nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009494 ngày 27-3-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà Q đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc